

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 năm 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2016 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1881/2009/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của UBND tỉnh Cao Bằng quy định Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1018/2010/QĐ-UBND ngày 02/07/2010 của UBND tỉnh Cao Bằng về bổ sung, sửa đổi một số điều Quyết định số 1881/2009/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của UBND tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2540/2011/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định cấp phép xây dựng và lắp đặt đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 06/03/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP,
CV: KT, TH;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, XD.



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm
2016 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền, phân công trách nhiệm các cơ quan và hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm: Quản lý dự án đầu tư và xây dựng, giấy phép xây dựng, chất lượng công trình xây dựng và chi phí đầu tư xây dựng.

Đối với công trình xây dựng đặc thù (công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, công trình xây dựng tạm) việc quản lý đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định riêng của pháp luật có liên quan.

Đối với dự án nhóm C quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới) việc quản lý đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Các nội dung không nêu trong Quy định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp, phân công trách nhiệm

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trong quản lý đầu tư và xây dựng đúng pháp luật, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 4. Trình tự đầu tư xây dựng

1. Trình tự đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Nghị định 59/2015/NĐ-CP) và các công việc có liên quan được tổng hợp tại Phụ lục I Quy định này.

2. Tùy thuộc điều kiện cụ thể và yêu cầu kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư quyết định trình tự thực hiện tuân tự hoặc kết hợp đồng thời đối với các hạng mục công việc nêu trong Phụ lục I.

Điều 5. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án. Trừ trường hợp thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ, chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý quy định như sau:

1. Dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là UBND tỉnh) quyết định đầu tư:

a) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh làm chủ đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do mình quản lý;

b) Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh làm chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch xây dựng của khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý.

c) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành làm chủ đầu tư đối với dự án công trình chuyên ngành nhóm A, dự án có công trình xây dựng chuyên ngành cấp đặc biệt, cấp I và dự án công trình chuyên ngành đặc thù khác khi được giao nhiệm vụ, trừ trường hợp Điểm a và Điểm b Khoản này

d) Các ban quản lý dự án (sau đây gọi là Ban QLDA) chuyên ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư đối với các dự án công trình chuyên ngành còn lại.

2. Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) quyết định đầu tư giao Ban QLDA khu vực cấp huyện làm chủ đầu tư, trừ các dự án công trình cơ sở hạ tầng cấp xã và dưới xã thuộc Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới giao UBND cấp xã làm chủ đầu tư.

3. Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) quyết định đầu tư, dự án có sự đóng góp của cộng đồng thì UBND cấp xã làm chủ đầu tư. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà UBND cấp xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện giao cho Ban QLDA khu vực cấp huyện làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND cấp xã.

4. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì công trình do mình quản lý có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng.

5. Đối với dự án đầu tư có tính chất hỗn hợp, dự án công trình xây dựng đặc thù, dự án có cấu phần xây dựng chiếm tỷ lệ dưới 50 % hoặc không có cấu phần xây dựng thì người quyết định đầu tư xem xét giao cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn làm chủ đầu tư.

6. Chủ đầu tư có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư gửi cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về kế hoạch đầu tư theo phân cấp và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 5/6, hàng năm trước ngày 5/12 về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng về cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 6. Quản lý dự án đầu tư theo quy hoạch

1. Dự án đầu tư không phân biệt các loại nguồn vốn sử dụng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng chưa có trong quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng thì chủ đầu tư phải báo cáo Bộ quản lý ngành, Bộ Xây dựng hoặc địa phương theo phân cấp để xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch ngành trước khi lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư đề nghị cấp giấy phép quy hoạch xây dựng theo quy định để làm căn cứ lập quy hoạch chi tiết hoặc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

4. Trình tự, thủ tục chấp thuận địa điểm xây dựng, giấy phép quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh về phân công, phân cấp, quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 7. Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt đề xuất dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công do tỉnh quản lý (bao gồm cả dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng phải kèm theo bản vẽ sơ đồ vị trí địa điểm xây dựng, xác định nhu cầu sử dụng đất.

b) Thẩm quyền thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

- Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh) để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do cấp tỉnh quản lý.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm C do cấp tỉnh quản lý.

- Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch hội đồng, phòng Tài chính - Kế hoạch là Thường trực hội đồng và các phòng, ban liên quan là thành viên (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định cấp huyện) để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do cấp huyện quản lý.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm C do cấp huyện quản lý.

- Chủ tịch UBND cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch hội đồng, Công chức Tài chính - Kế toán là ủy viên thường trực và Văn phòng HĐND, UBND, công chức địa chính - xây dựng và công chức phụ trách lĩnh vực liên quan là thành viên (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định cấp xã) để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư công do cấp xã quản lý.

c) Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:

- Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình

quản lý (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo quy định của Chính phủ);

- Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc cấp mình quản lý.

d) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của từng loại vốn đầu tư công thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Quản lý, phê duyệt đề xuất dự án PPP do tỉnh quản lý:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP trên địa bàn tỉnh, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về dự án đầu tư PPP trên địa bàn tỉnh với các nội dung quy định tại Điều 70 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Nghị định 15/2015/NĐ-CP);

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư để thực hiện dự án PPP:

- UBND tỉnh ký kết hợp đồng dự án đối với dự án nhóm A và giao cơ quan chuyên môn trực thuộc quản lý lĩnh vực phù hợp với tính chất dự án hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh quản lý và thực hiện hợp đồng dự án. Việc giao đơn vị quản lý và thực hiện hợp đồng dự án được quy định trong quyết định phê duyệt đề xuất dự án PPP;

- UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan chuyên môn trực thuộc quản lý lĩnh vực phù hợp với tính chất dự án hoặc UBND cấp huyện ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B, nhóm C. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phạm vi ủy quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền trong việc chuẩn bị dự án, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án và được quy định cụ thể trong quyết định phê duyệt đề xuất dự án PPP.

c) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề xuất dự án:

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định Đề xuất dự án nhóm A, nhóm B;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Đề xuất dự án nhóm C (đối với dự án có cấu phần xây dựng, phần thiết kế cơ sở thực hiện thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 Quy định này);

- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, căn cứ mức vốn và nguồn vốn dự kiến sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công để quyết định chủ trương sử dụng trước khi phê duyệt đề xuất dự án.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện dự án PPP thực hiện theo Nghị định 15/2015/NĐ-CP, Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/03/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề

xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không sử dụng vốn đầu tư công:

Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Luật Đầu tư. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 8. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Các công trình yêu cầu phải tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc trước lập dự án quy định tại Điều 15 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Thông tư số 13/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

2. Sở Xây dựng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng trên địa bàn. Tham gia ý kiến về danh sách hội đồng, nhiệm vụ thiết kế theo đề nghị của chủ đầu tư và các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý:

a) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định dự án nhóm A. Cơ quan Thường trực hội đồng tổng hợp kết quả thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định đối với dự án nhóm B, nhóm C; tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện, cấp xã quản lý:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án, tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã hoặc gửi cơ quan được UBND cấp huyện phân cấp, ủy quyền xem xét, quyết định.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP):

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, nhóm B (trường hợp dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo Khoản 3 Điều 10 Quy định này); tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi là NSNN):

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối thẩm định, chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng của dự án công trình thuộc chuyên ngành quy mô từ nhóm B trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án từ nhóm B trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư và dự án quy định tại Điểm b Khoản này). Tổng hợp kết quả thẩm định (gồm dự án nhóm A do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định) trình Chủ tịch UBND tỉnh hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền xem xét, quyết định.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị là cơ quan đầu mối thẩm định, chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật của công trình từ cấp III trở xuống do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư. Tổng hợp kết quả thẩm định (gồm dự án do Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định) trình Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã hoặc gửi cơ quan được UBND cấp huyện phân cấp hoặc ủy quyền xem xét, quyết định.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định các dự án sử dụng vốn đầu tư công (trừ dự án sử dụng vốn NSNN) do cấp tỉnh quản lý, có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan liên quan thẩm định theo thẩm quyền. Chủ trì thẩm định các nội dung khác của dự án. Tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án công trình thuộc chuyên ngành quy mô từ nhóm B trở xuống (hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế- kỹ thuật) được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án từ nhóm B trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, dự án quy định tại Điểm d Khoản này). Gửi thông báo kết quả thẩm định về chủ đầu tư, đồng thời gửi cơ quan đầu mối thẩm định tổng hợp đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối thẩm định các dự án sử dụng vốn đầu tư công (trừ dự án sử dụng vốn NSNN) do cấp huyện, cấp xã quản lý, có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan liên quan thẩm định

theo thẩm quyền. Chủ trì thẩm định các nội dung khác của dự án, tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã hoặc gửi cơ quan được UBND cấp huyện phân cấp hoặc ủy quyền xem xét, quyết định.

d) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình từ cấp III trở xuống do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư. Gửi thông báo kết quả thẩm định về chủ đầu tư, đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện, cấp xã quản lý.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP):

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định dự án đầu tư xây dựng PPP sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý tham gia dự án, có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan có liên quan thẩm định theo thẩm quyền. Chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở công trình thuộc chuyên ngành với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án nhóm A, dự án từ nhóm B trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư). Gửi thông báo kết quả thẩm định về chủ đầu tư, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đối với dự án PPP do tỉnh quản lý.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án công trình thuộc chuyên ngành (hoặc thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế- kỹ thuật) của công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng, trừ các nội dung thẩm định thiết kế do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định công nghệ của dự án theo đề nghị của cơ quan đầu mối thẩm định.

6. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã nơi có dự án đầu tư xây dựng, hội nghề nghiệp tham gia ý kiến thẩm định, phản biện đối với dự án, thiết

kế cơ sở có nội dung liên quan đến lĩnh vực, địa bàn mình quản lý theo đề nghị của cơ quan đầu mối thẩm định, chủ trì thẩm định.

7. Ngoài thẩm quyền thẩm định quy định tại Điều này, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành có công trình từ cấp II trở xuống sử dụng vốn nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trong trường hợp được người có thẩm quyền phân cấp theo Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình; Tiếp nhận và chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành theo đề nghị của UBND cấp huyện, cấp xã nếu có yêu cầu.

8. Một số quy định trong công tác thẩm định, trình phê duyệt dự án:

a) Đối với dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình cấp cao nhất của dự án (xác định cấp công trình theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình). Cơ quan đầu mối thẩm định hoặc chủ trì thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở công trình chuyên ngành thẩm định đối với từng hạng mục công trình chuyên ngành;

b) Đối với dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30 % trở lên hoặc dưới 30 % nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư thì dự án được thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách;

c) Đối với dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có tỷ trọng chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 15 % tổng mức đầu tư dự án: Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý thì thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Điều 9 Quy định này; các trường hợp còn lại cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định;

d) Đối với dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Công trình thuộc đối tượng thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, chủ đầu tư có trách nhiệm trình hồ sơ đến cơ

quan nhà nước có thẩm quyền đề thẩm định, phê duyệt riêng theo quy định pháp luật về Bảo vệ môi trường, Phòng cháy và chữa cháy. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là căn cứ để trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt dự án;

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, soát xét và hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo các kết luận thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan đầu mối thẩm định rà soát lại sự đầy đủ của hồ sơ dự án trước khi trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

9. Các cơ quan đầu mối thẩm định, chủ trì thẩm định báo cáo định kỳ theo quý về công tác thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình gửi về Sở Xây dựng trong 10 ngày đầu tiên của quý tiếp theo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng. Mẫu báo cáo theo Phụ lục II Thông tư 18/2016/TT-BXD.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý (bao gồm cả dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Chủ tịch UBND tỉnh:

- Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý (sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách cấp tỉnh để đầu tư, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, các nguồn khác từ ngân sách trung ương), trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

- Quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện, cấp xã quản lý, dự án lồng ghép các nguồn vốn có tổng mức đầu tư từ 03 tỷ đồng trở lên trong đó có sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư dự án (bao gồm cả điều chỉnh dự án) có tổng mức đầu tư dưới 03 tỷ đồng sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện:

- Quyết định đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý (sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện; vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các dự án thuộc Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện), dự án do Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền.

- Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương Chủ tịch UBND cấp huyện được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư cho cơ quan cấp dưới trực

tiếp đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 2 tỷ đồng trong đó có sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý.

d) Chủ tịch UBND cấp xã:

Quyết định đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã; dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện phân cấp hoặc ủy quyền.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do tỉnh quản lý (vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng):

Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quyết định đầu tư dự án, trừ dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Chủ sở hữu vốn hoặc đại diện chủ sở hữu vốn phê duyệt dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thoả thuận cử ra người đại diện phê duyệt dự án.

Điều 12. Điều chỉnh dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án thì có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án đó.

2. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở:

Đối với các nội dung điều chỉnh liên quan đến thay đổi mục tiêu, quy mô đầu tư, địa điểm xây dựng, tiến độ thực hiện dự án, cơ cấu nguồn vốn sử dụng, vượt tổng mức đầu tư (bao gồm cả việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật dẫn đến vượt tổng mức đầu tư), chủ đầu tư có văn bản đề nghị người quyết định đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án (trong đó cần nêu rõ lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện) trước khi lập hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở điều chỉnh trình cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy định này.

Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở làm vượt tổng mức đầu tư thì phải tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định trước khi phê duyệt dự án điều chỉnh.

3. Điều chỉnh dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng:

Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Quy định này. Điều kiện, trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Điều 13. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. UBND tỉnh thành lập các Ban QLDA chuyên ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thành lập một Ban QLDA khu vực cấp huyện trên cơ sở kiện toàn, sắp xếp lại các Ban QLDA hiện có để thực hiện chức năng chủ đầu tư và nhiệm vụ quản lý đồng thời nhiều dự án sử dụng vốn nhà nước. Ban QLDA phải đáp ứng điều kiện, năng lực theo quy định tại Điều 152 Luật Xây dựng và Điều 64 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

2. Trừ trường hợp được áp dụng hình thức Ban QLDA một dự án, chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định pháp luật xây dựng và theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ, đối với dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý người quyết định đầu tư quyết định áp dụng (khi phê duyệt dự án) một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau:

a) Ban QLDA chuyên ngành cấp tỉnh, Ban QLDA khu vực cấp huyện làm chủ đầu tư thì giao Ban QLDA đồng thời thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án;

b) Trừ trường hợp Điểm a Khoản này, giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng thuê Ban QLDA chuyên ngành cấp tỉnh (trường hợp dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư), Ban QLDA khu vực cấp huyện (trường hợp dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) hoặc thuê tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu (trường hợp dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và dự án có tính chất đặc thù, đơn lẻ) để thực hiện quản lý dự án;

c) Đối với dự án PPP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo đối tác công tư.

3. Ban QLDA chuyên ngành cấp tỉnh, Ban QLDA khu vực cấp huyện được phép thực hiện tư vấn quản lý dự án theo quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cung cấp dịch vụ ủy thác quản lý dự án cho các chủ đầu tư khác (ngoài chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng thuê quản lý thực hiện dự án quy định tại Khoản 2 Điều này) khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công

trình chuyên ngành từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc dự án do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư).

2. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình chuyên ngành cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình cấp đặc biệt, cấp I; công trình từ cấp III trở lên của dự án thuộc chuyên ngành do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư và các công trình thuộc dự án do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư);

b) Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP do tỉnh quản lý: Sở Khoa học và công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại Điểm a Khoản này; chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại và công trình lưới điện trung áp;

c) Trường hợp dự án ngoài quy định tại Điểm b Khoản này: Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại Điểm a Khoản này; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại và công trình lưới điện trung áp;

d) Chủ đầu tư, người quyết định đầu tư tại Điểm b và Điểm c Khoản này có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Khoản 1 Điều này để theo dõi, quản lý.

3. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình công cộng cấp II, cấp III; công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình theo tuyến đi qua hai tỉnh trở lên);

b) Người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng của các công trình còn lại (trừ các công trình cấp đặc biệt, cấp I và Điểm a Khoản này), phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước) thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã:

Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước) thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do mình quyết định đầu tư.

c) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước) thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách trong phạm vi dự toán xây dựng công trình của thiết kế bước trước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đối với dự án đầu tư PPP, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Đối với công trình sử dụng vốn khác:

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án (bao gồm dự toán chi phí) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 16. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý

1. Người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng thì có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình đó.

2. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định này trong các trường hợp sau:

a) Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng của kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình.

b) Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền phê duyệt.

Điều 17. Thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng (quyết toán A-B)

1. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý:

a) Tạm ứng, thanh, quyết toán hợp đồng thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng đã ký trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về hợp đồng xây dựng và quản lý vốn nhà nước hiện hành.

b) Cơ quan Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho các hợp đồng, dự án khi có đủ điều kiện thanh toán vốn.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

Tạm ứng, thanh, quyết toán hợp đồng thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng đã ký trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Quyết toán vốn đầu tư

1. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý:

a) Nội dung Quyết toán vốn đầu tư hàng năm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính về quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Quyết toán dự án hoàn thành hoặc dừng vĩnh viễn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, tổ chức kiểm toán (đối với dự án chưa có cơ quan kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán) trước khi trình thẩm tra, phê duyệt.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm tra quyết toán đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

đ) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng liên quan tổ chức thẩm tra quyết toán đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt hoặc gửi Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình thẩm tra, phê duyệt quyết toán gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

Chủ đầu tư sử dụng bộ phận chuyên môn của mình hoặc thuê tư vấn để thẩm tra quyết toán, chủ đầu tư phê duyệt quyết toán.

Điều 19. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng

1. Nội dung giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Xây dựng 2014; Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh. Trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã. Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình giám sát, đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

2. Giám sát cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương III

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 20. Nội dung quản lý giấy phép xây dựng, trật tự xây dựng

1. Công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng (sau đây gọi là GPXD) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp miễn GPXD theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng và Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Nội dung quản lý cấp GPXD, quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo quy định tại Chương V Luật Xây dựng, Chương III Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD, Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

Điều 21. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

b) Cấp GPXD đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này); công trình thuộc dự án (trừ Báo cáo kinh tế- kỹ thuật công trình từ cấp III trở xuống); di dời công trình; công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trên các thửa đất tiếp giáp với các tuyến đường, nút giao thông trong đô thị Thành phố Cao Bằng sau đây:

- Tuyến đường phía nam Khu đô thị mới Đền Thám (đoạn từ ngã tư giao với Quốc lộ 3, Quốc lộ 34 đến đầu cầu bờ tả Sông Hiến);

- Tuyến đường Quốc lộ 3 mới (đoạn từ ngã tư giao với Đường phía nam Khu đô thị mới Đền Thám, Quốc lộ 34 đến ngã năm Km6 và đoạn từ ngã năm Km6 đến đầu cầu bờ hữu Nà Cáp);

- Tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn từ ngã năm Km6 đến hết địa phận Thành phố Cao Bằng, gồm đoạn tránh ngã năm Km6);

- Các nút giao thông hình thành giữa các tuyến đường khác giao với các tuyến đường trên.

c) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 15/6, hàng năm trước ngày 15/12 về tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng.

2. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh:

a) Cấp GPXD đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý.

b) Quản lý trật tự xây dựng các công trình thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý và công trình được giao làm chủ đầu tư.

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 10/6, hàng năm trước ngày 10/12 về tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn do mình quản lý gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

3. UBND cấp huyện:

a) Cấp GPXD các công trình và nhà ở riêng lẻ còn lại (bao gồm công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm xã; nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được Nhà nước công nhận bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt) thuộc địa giới hành

chính do mình quản lý, trừ công trình cấp đặc biệt và đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Quản lý trật tự xây dựng toàn bộ các công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn mình quản lý (trừ công trình quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này), kiểm tra xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền hoặc lập hồ sơ kiến nghị cấp trên xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền.

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 10/6, hàng năm trước ngày 10/12 về tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý GPXD và trật tự xây dựng đến các tổ chức và công dân.

b) Thẩm tra, xác nhận tình trạng đất đai (nguồn gốc, tranh chấp, khiếu kiện) đối với nhà ở riêng lẻ khi có yêu cầu của cơ quan cấp GPXD.

c) Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng; kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng theo Điều 107 Luật Xây dựng, các yêu cầu đối với công trường xây dựng theo Điều 109 Luật Xây dựng.

d) Theo dõi, kiểm tra phát hiện kịp thời vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn, thực hiện xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền hoặc lập hồ sơ kiến nghị cấp trên xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền.

đ) Lập danh sách trích ngang các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn (theo Mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này).

e) Báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 5/6, hàng năm trước ngày 5/12 về tình hình thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm mình quản lý gửi UBND cấp huyện để tổng hợp.

5. Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi GPXD do mình cấp. Sau khi cấp GPXD gửi bản chụp về UBND cấp huyện, cấp xã nơi xây dựng công trình để theo dõi, phối hợp quản lý trật tự xây dựng.

Điều 22. Đối tượng, quy mô và thời hạn tồn tại công trình, nhà ở riêng lẻ khi cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp GPXD có thời hạn thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng (bao gồm cả các khu vực đã có quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 đến tỷ lệ 1/500) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, không thuộc trường hợp cấm xây dựng theo Khoản 3 Điều 12 Luật Xây dựng và đáp

ứng các điều kiện quy định tại Điều 94 Luật Xây dựng và Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

2. Quy mô công trình, nhà ở riêng lẻ:

a) Công trình, nhà ở riêng lẻ phù hợp về mục đích sử dụng đất (loại đất) theo quy hoạch xây dựng, thì quy mô không quá 02 tầng (không kể tum cầu thang; không được xây dựng tầng hầm, bán hầm), tổng chiều cao không quá 9 m; diện tích xây dựng (diện tích bao ngoài hình chiếu bằng của công trình xuống mặt đất) dưới 500m² đối với công trình hoặc dưới 80m² đối với nhà ở riêng lẻ.

b) Công trình, nhà ở riêng lẻ không phù hợp về mục đích sử dụng đất (loại đất) theo quy hoạch xây dựng nhưng thuộc nhóm đất phi nông nghiệp theo quy hoạch, thì quy mô xây dựng là 01 tầng, kết cấu đơn giản dễ tháo dỡ (nhà khung thép hoặc xây tường gạch; mái ngói, tấm lợp), tổng chiều cao không quá 5m; diện tích xây dựng dưới 500m² đối với công trình hoặc dưới 80m² đối với nhà ở riêng lẻ.

3. Thời hạn tồn tại:

a) Thời hạn ghi trong GPXD có thời hạn xác định theo kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch thì căn cứ điều kiện đặc thù của địa phương nhưng tối đa không quá 05 năm.

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD tại Điều 21 Quy định này có trách nhiệm xác định cụ thể thời gian tồn tại công trình, nhà ở riêng lẻ khi cấp GPXD có thời hạn.

Điều 23. Xử lý đối với một số trường hợp cụ thể

1. Thừa Đất ở còn lại sau khi giải phóng mặt bằng hoặc nâng cấp, cải tạo công trình được xét cấp GPXD mới nhà ở (trừ GPXD có thời hạn) đồng thời phải đảm bảo: diện tích xây dựng tối thiểu bằng 15m², chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng bằng 3m; trường hợp diện tích xây dựng từ 15m² đến dưới 36m² chỉ được xây dựng tối đa 3 tầng và tổng chiều cao không quá 12m.

2. Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng các lô đất nhưng chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị:

a) Trường hợp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng, cơ quan cấp GPXD căn cứ bản vẽ tổng mặt bằng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đã được người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch xây dựng hoặc thông tin quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp để xem xét cấp GPXD;

b) Trường hợp nhà ở riêng lẻ, cơ quan cấp GPXD căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng và quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 Nghị

định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

3. Các trường hợp chỉ được sửa chữa, cải tạo giữ nguyên quy mô, không thay đổi vị trí, diện tích xây dựng, diện tích sàn từng tầng, chiều cao, số tầng và công năng sử dụng :

a) Công trình, nhà ở riêng lẻ không phù hợp quy hoạch xây dựng và có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.

b) Công trình, nhà ở riêng lẻ nằm trong hành lang bảo vệ các công trình hiện hữu (giao thông, thủy lợi, năng lượng, quốc phòng, an ninh và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định pháp luật) mà Nhà nước chưa có kế hoạch di dời.

4. Đối với công trình phục vụ nông nghiệp, xây dựng trên đất nông nghiệp khác theo quy định Luật đất đai mà không thuộc quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn như: nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm lâm nghiệp, thủy sản; cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; kho chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, thì không cần phải có GPXD.

Chương IV

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 24. Nội dung quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng không phân biệt nguồn vốn phải tuân thủ các quy định về quản lý về chất lượng công trình và bảo trì công trình quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Nội dung quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định Luật Xây dựng, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Nghị định 46/2015/NĐ-CP), Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, các quy định pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành có liên quan.

Điều 25. Phân cấp, phân công trách nhiệm

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định 46/2015/NĐ-CP; trình UBND tỉnh quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đối với một số công trình hoàn thành khi cần thiết.

b) Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình giao thông trong đô thị, trừ công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP (trừ công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và Điểm c Khoản 3 Điều này).

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 15/6, hằng năm trước ngày 15/12 về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh, Bộ Xây dựng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác:

a) Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh như sau:

- Sở Giao thông vận tải quản lý chất lượng công trình giao thông, trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương quản lý chất lượng công trình công nghiệp, trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý.

b) Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Điểm c, Điểm d Khoản này.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP (trừ công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và Điểm c Khoản 3 Điều này).

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 10/6, hằng năm trước ngày 10/12 về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh gửi về Sở Xây dựng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. UBND cấp huyện:

a) Quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình thuộc dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; công trình

thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; công trình do UBND cấp huyện, cấp xã quản lý, khai thác, sử dụng và các công trình còn lại (bao gồm cả công trình không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) trên địa bàn do mình quản lý;

Chủ trì giải quyết sự cố công trình cấp III trên địa bàn do mình quản lý.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị là cơ quan đầu mối giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Điểm c, Điểm d Khoản này.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình từ cấp III trở xuống do các phòng chuyên môn cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm c Điểm d Khoản 2 Điều 10 Quy định này).

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 10/6, hằng năm trước ngày 10/12 về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn gửi Sở Xây dựng, Sở quản lý xây dựng chuyên ngành và đột xuất khi có yêu cầu.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng đến các tổ chức và công dân trên địa bàn.

b) Phối hợp, hỗ trợ UBND cấp trên, các sở, ban, ngành, phòng có chức năng cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát các dự án đầu tư xây dựng.

c) Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng có trách nhiệm báo cáo ngay cho UBND cấp huyện và thực hiện các biện pháp xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

d) Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định 46/2015/NĐ-CP. Hỗ trợ các bên có liên quan, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

đ) Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án do mình làm chủ đầu tư và trách nhiệm bảo trì công trình đối với công trình được giao quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định pháp luật.

e) Báo cáo định kỳ 6 tháng trước ngày 5/6, hằng năm trước ngày 5/12 về tình hình thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm mình quản lý gửi UBND cấp huyện để tổng hợp.

Điều 26. Quản lý chi phí bảo trì công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý

1. Lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình

a) Căn cứ quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức đánh giá thực trạng công trình (phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp đối với trường hợp sửa chữa lớn, công trình chưa có quy trình bảo trì), lập kế hoạch bảo trì gửi cơ quan tài chính các cấp (Sở Tài chính đối với ngân sách cấp tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với ngân sách cấp huyện; Bộ phận Tài chính - Kế toán đối với ngân sách cấp xã) để xem xét sự cần thiết đầu tư, khái toán chi phí, khả năng cân đối vốn và tổng hợp (cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm), báo cáo UBND cùng cấp phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình (danh mục công trình bảo trì) làm căn cứ triển khai công tác chuẩn bị dự án, giao dự toán ngân sách hàng năm.

b) Trường hợp công trình bị xuống cấp nghiêm trọng cần phải cải tạo, sửa chữa theo lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định về quản lý xây dựng công trình đặc thù, việc bố trí kế hoạch vốn trong kế hoạch năm ngân sách căn cứ quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế, dự toán được duyệt và khả năng cân đối ngân sách.

c) Riêng việc lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán bảo trì; dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với công tác sửa chữa công trình, thiết bị định kỳ và đột xuất có chi phí dưới 500 triệu đồng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập thiết kế, dự toán bảo trì (không phải lập dự án đầu tư xây dựng). Trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị định kỳ và đột xuất có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng (Báo cáo kinh tế- kỹ thuật hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi).

b) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm trình cơ quan theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này thẩm định thiết kế và dự toán bảo trì hoặc dự án đầu tư xây dựng, trước khi trình người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quy định này phê duyệt (trừ trường hợp Điểm c và Điểm d Khoản này). Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng (nếu có) thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 1 Điều 15 Quy định này.

c) Trường hợp bảo trì công trình (nhà, công trình kiến trúc) thuộc tài sản nhà nước và sử dụng vốn sự nghiệp do tỉnh quản lý thì thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán bảo trì hoặc dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền quy định

tại Điều 10 Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng.

d) Trường hợp bảo trì công trình thuộc tài sản nhà nước và sử dụng vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý có dự toán bảo trì dưới 100 triệu đồng thì Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng công trình tự phê duyệt thiết kế, dự toán bảo trì (không làm thay đổi kết cấu chịu lực chính); kế hoạch lựa chọn nhà thầu; quyết toán chi phí bảo trì trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp thẩm quyền giao.

3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công việc bảo trì và thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nội dung hợp đồng đã thống nhất với tổ chức, cá nhân thực hiện công việc bảo trì công trình.

Chương V

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 27. Nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định về quản lý chi phí quy định tại Khoản 2 Điều này, đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác khuyến khích áp dụng.

2. Nội dung quản lý chi phí thực hiện theo Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 28. Phân công trách nhiệm

1. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố định mức dự toán xây dựng cho các công việc đặc thù của địa phương, các bộ đơn giá xây dựng công trình, giá ca máy và thiết bị thi công, đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn chế độ, chính sách, phương pháp lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; tổ chức lập và công bố chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND cấp huyện công bố giá vật liệu xây dựng hàng quý đến trung tâm các huyện, thành phố.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng quý đến trung tâm các huyện, thành phố.

3. UBND cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập và công bố chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý, năm trên địa bàn huyện;

b) Tổ chức khảo sát và báo cáo giá mua (giá gốc) vật liệu xây dựng hàng quý được sản xuất, khai thác tại địa phương gửi Sở Tài chính và Sở Xây dựng vào ngày 10 - 14 tháng thứ hai hàng quý trong năm để liên sở làm căn cứ công bố giá mua của các huyện. Xác định nguồn cung cấp, cự ly và cấp đường vận chuyển vật liệu để chủ đầu tư làm căn cứ tính giá vật liệu đến hiện trường xây lắp cho công trình xây dựng trên địa bàn huyện. Trong tháng nếu có sự biến động về giá vật liệu hoặc có loại vật liệu mới tại địa phương thì báo cáo giá mua (giá gốc) gửi Sở Tài chính và Sở Xây dựng để làm căn cứ công bố giá bổ sung.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý đã phê duyệt và giao chủ đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực thì chủ đầu tư tiếp tục thực hiện đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng, trường hợp dự án chưa xác định chủ đầu tư thì thực hiện theo Quy định này. Đối với dự án đã phê duyệt và giao chủ đầu tư, trong một số trường hợp cụ thể người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc chuyển đổi chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo nguyên tắc Ban QLDA được giao chủ đầu tư đã kiện toàn tổ chức đủ điều kiện năng lực và tiến độ dự án không bị gián đoạn.

2. Xử lý chuyển tiếp về Ban quản lý dự án thực hiện theo Điều 20 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

3. Các dự án, thiết kế, dự toán đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải trình thẩm định lại.

4. Xử lý chuyển tiếp về giấy phép xây dựng thực hiện theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

5. Công trình khởi công sau ngày 01/7/2015 việc kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Quy định này.

6. Chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo hoạt động xây dựng không quy định tại Quy định này thì áp dụng theo Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định chế độ thông tin báo cáo thống kê tổng hợp về xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND cấp huyện sắp xếp, tổ chức lại hoạt động, thành lập Ban QLDA khu vực cấp huyện và áp dụng hình thức tổ chức quản lý dự án theo Quy định này.

2. Căn cứ Quy định này và quy định pháp luật có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo bộ thủ tục hành chính thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; Sở Xây dựng soạn thảo bộ thủ tục hành chính thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu; Sở Tài chính soạn thảo bộ thủ tục hành chính thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh theo hướng lồng ghép, kết hợp, song song các thủ tục theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, rút ngắn tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính, trình UBND tỉnh ban hành.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm các đơn vị trực thuộc và công chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng và Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục I
TRÌNH TỰ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 39 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

1. Chuẩn bị dự án

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP, dự án quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Đầu tư);

b) Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế nước ngoài hoặc nhà đầu tư, tổ chức kinh tế trong nước khi có nhu cầu);

c) Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng (đối với công trình quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);

d) Xác định yêu cầu, nội dung nhiệm vụ lập dự án (nhiệm vụ thiết kế cơ sở); lựa chọn nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

đ) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng (phục vụ bước thiết kế cơ sở), lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng và thực hiện khảo sát xây dựng;

e) Lập dự án đầu tư xây dựng;

g) Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với công trình quy định tại Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP);

h) Lấy ý kiến về giải pháp PCCC đối với thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với công trình quy định tại Phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP);

i) Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện dự án

a) Giao đất hoặc thuê đất để thực hiện dự án (theo quy định pháp luật về đất đai);

b) Chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có);

c) Lập nhiệm vụ thiết kế sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế 2 bước), lựa chọn nhà thầu lập thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng;

d) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng (bổ sung), lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng và thực hiện khảo sát xây dựng phục vụ các thiết kế sau thiết kế cơ sở;

đ) Lập thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng;

e) Thẩm duyệt thiết kế về PCCC (thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế 2 bước);

g) Thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật trường hợp thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế 2 bước) và dự toán xây dựng;

h) Cấp giấy phép xây dựng (trừ trường hợp miễn GPXD theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng);

i) Tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, cung cấp thiết bị (theo quy định pháp luật về đấu thầu đối với dự án sử dụng vốn nhà nước) và ký kết hợp đồng xây dựng (theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP);

k) Thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng (theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP);

l) Tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành (theo hợp đồng ký kết);

m) Nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành (cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP);

n) Vận hành chạy thử thiết bị, công nghệ (nếu có);

o) Bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng

a) Quyết toán hợp đồng xây dựng (quyết toán A-B);

b) Quyết toán dự án hoàn thành (quyết toán vốn đầu tư);

c) Bảo hành công trình xây dựng.

d) Bảo trì công trình xây dựng (trường hợp chủ đầu tư chưa bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng).

4. Áp dụng

a) Trình tự đầu tư xây dựng gồm các hạng mục công việc chủ yếu được áp dụng chung cho các dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Đối với các dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án đầu tư trong khu vực phát triển đô thị còn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan./.

Phụ lục II

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 39 /2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

UBND cấp xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày.... tháng... năm 201...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 5/6 và 5/12 hàng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện ...

Thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều 21 Quy định một số nội dung quản lý dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, ban hành theo Quyết định số..... /2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng, Ủy ban dân dân xã.... báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/Tổng diện tích sàn/Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)